

“THU RỪNG” MỘT CẤU TRÚC KHÔNG GIAN LẠ TRONG THƠ HUY CẬN

NGUYỄN THỊ KIM ỨNG*

1. Nhà thơ Xuân Diệu trong lời đề tựa giới thiệu tập **Lửa thiêng** của Huy Cận xuất bản năm 1940 đã nhận xét Huy Cận là thi sĩ của “*thiên nhiên*” trước khi ông phân tích “*nỗi sầu đời*” trong thơ người bạn thân : “*Đời xưa có một thi sĩ lành như suối nước ngọt, hiền như cái lá xanh ; gần chàng người ta cảm nghe một nỗi hoà vui, như đứng giữa thiên nhiên, tâm hồn thoi thới. Thi sĩ xưa làm những bài thơ bao la như lòng tạo vật ... Ấy là Huy Cận đó, nhưng một thi sĩ “thiên nhiên” như chàng thì ở thời nào chẳng được, ở thời nay cũng như ở thời xưa ; chàng như không ở trong thời gian mà chỉ trong không gian ; người ta muốn tưởng linh hồn Huy Cận là đám mây kia, là nỗi hắt hiu trong cõi trời, là hơi gió nhớ thương ...*”.

Lí lẽ để Xuân Diệu nhận xét Huy Cận là thi sĩ “*thiên nhiên*” cũng là điều dễ cảm nhận, bởi gần như trong 50 bài thơ tuyển chọn, hình ảnh thiên nhiên hiện lên như những bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp, phóng khoáng. Đó là không gian mùa trong thơ Huy Cận. Thiên nhiên chuyển đổi theo bốn mùa với các cung bậc tình cảm và cảm hứng khác nhau. Trong **Lửa thiêng**, Huy Cận viết về mùa xuân khoảng 04 bài, hạ : 03 bài, thu : 02 bài, đông : 02 bài. Dấu ấn tình cảm nhẹ nhàng của thời học sinh và tình yêu lãng mạn, đắm thắm của tuổi trẻ được nhà thơ gửi gắm nhiều nhất qua không gian mùa xuân, mùa hạ (**Xuân, Đi giữa đường thom**). Mùa đông trong thơ Huy Cận được nhận xét là sự thể hiện cảm xúc da diết và tính triết lí sâu sắc về kiếp người (**Nhạc sầu, ...**). Dung hoà hơn, lòng trong tâm trạng u buồn đau đáu của “*một chiếc linh hồn nhỏ/mang mang thiên cổ sầu ...*” (**Ê chề**) là sự rung động và cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước không gian mùa thu thật buồn, đẹp, sâu lắng.

* Ban Văn hoá Văn nghệ, Báo Sài Gòn Giải phóng

Thu rừng là bài thơ tiêu biểu với hình ảnh, ý, tình, âm điệu, nhạc điệu, cấu trúc thơ lạ, tạo được sự lan tỏa êm ái trong tâm tình con người và cả cảm xúc rung động mạnh mẽ, chất chứa nỗi u buồn man mác :

Bỗng dưng buồn bã không gian

Mây bay lững thấp, giăng màn âm u

Nai cao gót lẫm trong mù

Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về

Sắc trời trôi nhạt dưới khe

Chim đi, lá rụng, cành nghe lạnh lùng

Sầu thu lên vút song song

Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu

Non xanh ngây cả buồn chiều

Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

2. 10 câu thơ lục bát gói gọn toàn cảnh không gian chớm thu thật mới mẻ. Sự mới mẻ này bao gồm cả nội dung lẫn hình thức. Dự cảm cái mới đầu tiên là dấu hiệu đổi thay của thời tiết. Nhưng, để cắt nghĩa cho cảm xúc và cảm hứng vì sao nỗi buồn bất chợt đến là điều khó giải bày. Thời gian đang trôi, “*mây bay lững thấp*” lững đặng, nhịp thơ chậm chậm ; còn không gian, dường như có lúc đứt nối khi thiên nhiên chuyển đổi sắc màu từ khung cảnh bình thường bỗng chuyển sang u trầm :

Bỗng dưng buồn bã không gian,

Mây bay lững thấp, giăng màn âm u.

Sau sự báo hiệu thời tiết chuyển mùa trong không gian, hoạt động, cuộc sống của chim muông, cây lá chịu tác động của thiên nhiên có lẽ cũng là dấu hiệu đứng thứ hai. Cho nên, sự xuất hiện của một chú nai từng bước khoan thai trên lối đi quen thuộc, vừa có vẻ háo hức vừa có vẻ điềm nhiên đón đợi mùa thu như được nhìn nhận là một “*nhân chứng*” dự cảm cho phút giao mùa của trời và đất. Trong khoảnh khắc, sự thay đổi nhịp điệu thơ 2/2/2 của câu thơ lục đầu tiên

“*Bỗng dưng/buồn bã/không gian*” bỗng chuyển nhanh thành nhịp 3/3 của câu thơ lục phía dưới, diễn tả sự quan sát, phát hiện của nhà thơ về “*nhân vật nai*” vừa quen thuộc, vừa thấp thoáng ẩn hiện rất lạ :

Nai cao gót/ lẩn trong mù

Nhịp thơ không kịp dừng lại. Câu thơ tám chữ tiếp theo đã chuyển sang nhịp điệu chậm 2/2/2/2 như mô tả bước chân nai nhẹ nhàng, lặng lẽ xuống từng bậc, từng bậc đá núi :

Xuống rừng

néo thuộc

nhìn thu

mới về

Hai câu thơ mô tả từng động tác khá sinh động của “*nai cao gót*” độc hành trong cảnh thu sương mù. Êm nhẹ, thanh thoát và chắc chắn rằng bước chân nai ở đây sẽ không làm vang động không gian như chú nai “*hồn nhiên*” của Lưu Trọng Lư trong bài thơ **Tiếng thu** (*Con nai vàng ngơ ngác/ Đạp trên lá vàng khô ?*). Cảm nhận về sắc thu, cả hai nhà thơ Lưu Trọng Lư và Huy Cận không hẹn mà gặp đã “*nhập tịch*” chú nai trong văn chương phương Tây sang văn chương Việt Nam. Hình tượng “*con nai*” gắn liền với “*mùa thu*”, góp phần làm lạ, phong phú thêm nghệ thuật Thơ Mới Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Không gian trong **Thu rừng** đang dịch chuyển theo góc nhìn từ xa đến gần của nhà thơ. Ở đây, thủ vận dụng *nguyên lí song hành* (parallelism) theo thi học cấu trúc Nga của Roman Jakobson, có thể sẽ cho thấy sự phát lộ một không gian hiện thực và không gian tâm tưởng được Huy Cận thể hiện khá đa dạng qua từ, âm điệu, nhịp điệu, ngữ pháp thơ ...

Sắc trời trôi nhạt dưới khe >< Chim đi, lá rụng, cành nghe lạnh lùng

Chính hai câu thơ song hành đã tạo nên một bức tranh đẹp, gọn gàng với cảnh sắc, hình ảnh thật sinh động. Khung cảnh được phác thảo như một bức tranh thủy mặc – đường nét đơn giản, độ đậm nhạt thanh thoát. Cũng với những câu thơ lục bát này, thử phân tích cách sử dụng cấu trúc câu ngắn (chủ từ – động từ) của Huy Cận.

Xét về ý nghĩa, động từ chỉ hành động và động từ diễn đạt trạng thái (*trôi, đi, rụng, nghe*) đang tạo nhịp điệu nhanh, gợi tả theo ngữ cảnh :

“*sắc trời trôi nhạt dưới khe*” ;

“*chim/đi*”,

“*lá/rụng*”,

“*cành/nghe lạnh lùng*”.

Rõ ràng cách mô tả một không gian mùa thu chuyển động tốc độ nhanh, gần như liên tục, mạch thơ như đang bay đi. Thế nhưng, “*cái động*” ở đây chỉ là cảm giác, là không gian tâm tưởng. Thật ra, không ai có thể xác định thời gian chim đã bay tự bao giờ ... ? Lá đã rụng tự bao giờ ... ? Có điều, dẫu là không gian tâm tưởng nhưng tính chân thực trong câu thơ là xác đáng, khung cảnh vẫn có thực. Âm điệu được mô tả thính u, êm ái đến như vô thanh. Nhà thơ đã nghe âm thanh của tạo vật bằng trái tim của mình : *Chim đi lá rụng, cành nghe lạnh lùng*. Ở đây, khó mà tìm một âm thanh nhỏ, kể cả tiếng “*vèo*” nhẹ nhàng, khẽ khàng như chiếc lá bay “*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*” của Nguyễn Khuyến hay tiếng “*vèo*” đi nhanh của từng chiếc lá rụng “*Vèo trông lá rụng ngoài sân*” của Tản Đà, ...

Mạch thơ vẫn tiếp diễn theo *nguyên lý song hành* qua bốn câu thơ cuối :

Sầu thu lên vút song song <> Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu

Non xanh ngây cả buồn chiều <> Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia

Khi ngoại cảnh tác động đến nội tâm, hồn thơ của Huy Cận càng bộc lộ thâm thía nỗi buồn bã, cô đơn của con người. Cảnh và người như hoà quyện qua cụm từ đối xứng, láy đi láy lại, hết sức dạt dào và da diết :

Sầu thu lên vút song song,

Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.

Sự tăng cấp của nỗi buồn lan tỏa theo không gian và dằng dặc theo thời gian. Trong mắt nhà thơ dãy núi xanh xa xa cũng đắm say trước phong cảnh buồn và đẹp của chiều thu. Đặc biệt, từ “*ngây*” trong hai câu thơ cuối của bài thơ có hấp lực tạo nên khung cảnh đầy cảm xúc ngất ngây, cộng hưởng của tạo vật trước cảnh sắc, trước cái đẹp hoang sơ, thuần khiết của trời và đất, của một chiều thu muộn, ...

*Non xanh **ngây** cả buồn chiều*

Từ “ngây” đặc sắc như thi nhãn của toàn bộ bài thơ. Đằng sau sự mô tả này, nhà thơ còn gửi gắm một mạch nguồn cảm xúc về nỗi sầu đời khá thâm trầm và hé lộ tính chất triết lí về nhân sinh, về vũ trụ của một hồn thơ mang âm điệu hồn thơ Đường. Từ trên cao nhìn xuống – trong mắt nhà thơ – cõi nhân gian phía dưới tưởng như bị đắm chìm trong sương mù chiều thu mịt mờ ... Nỗi buồn như nhòa đi, hoà tan trong cái đẹp hoang sơ. Còn cái đẹp cũng muốn vùi đi vì nỗi buồn mênh mông và chịu một sức tác động vô hình mạnh mẽ qua cảm giác lặng im, buồn bã. Nhịp điệu 2/2/2/2 của câu thơ lời dần và rơi xuống :

Nhân gian

e cũng

tiêu điều

dưới kia ...

Như độ nén cuối cùng, từ “*tiêu điều*” đã bật ra, bộc lộ cảm xúc sầu thu tột cùng và sự rung động tuyệt vời của nhà thơ trước cảnh sắc tiêu tao – một không gian thu rừng tinh khôi, riêng một góc trời trong cõi người ta ...

3. Trong thơ ca Việt Nam, mùa thu vừa là cảm hứng vừa là đề tài sáng tác của nhiều nhà thơ. Nguyễn Du nhiều lần mô tả mùa thu trong thơ Kiều ; Nguyễn Khuyến có ba bài **Thu ẩm, Thu vịnh, Thu điếu**. Các nhà thơ sau này như Tân Đà, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Hồ Dzếnh, ... đều để lại dấu ấn với những bài thơ về mùa thu. Điều đáng nói ở đây, trong cách thể hiện nghệ thuật, các nhà thơ xưa nay vẫn mô tả thế giới từ ngoại cảnh đến nội tâm đều theo xu hướng “*lên cao*” (đăng cao), “*trông lên*”, theo một cấu trúc đi lên không gian vũ trụ cao rộng, hoặc xoay quanh không gian thực tại cuộc sống hay cả không gian tâm tưởng theo luật phối cảnh “*xa, gần*” của hội họa : *Trời cao xanh ngắt. Ô kìa/Hai con hạc trắng bay về Bồng lai (Tiếng sáo thiên thai – Thế Lữ) ; Hôm nay trời nhẹ lên cao/Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn (Chiều – Xuân Diệu) ; Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài (Nhớ hờ – Huy Cận), ...*

Ba bài thơ cảm tác về mùa thu của Nguyễn Khuyến, bao trùm lên tất cả vẫn là không gian mùa thu của một vùng nông thôn Bắc Bộ (ao xanh, ngô trúc, gian nhà, ...). Trong những bức tranh đồng quê của Nguyễn Khuyến, không gian bầu trời từ dưới trông lên, luôn được nhà thơ chú trọng. Đề cập ba lần trong ba thời khắc khác nhau, nhưng không gian bầu trời bao giờ cũng là không gian tĩnh; sắc xanh trong veo bao giờ cũng được giữ làm “gam” màu chủ đạo: *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao (Thu vịnh)*, *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt (Thu điếu)*, *Đã trời ai nhuộm mà xanh ngắt (Thu ẩm)*. Ra đời sau nhà thơ Nguyễn Khuyến không lâu nhưng không gian mùa thu trong thơ Tần Đà đã thay đổi với những diễn biến của cuộc sống luôn đổi thay nơi không gian phố thị: *Trận gió thu phong rụng lá vàng/Lá bay hàng xóm lá bay sang/Vàng bay mấy lá năm già nữa/Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng/Trận gió thu sang rụng lá hồng/Lá bay tường bắc lá sang đông/Hồng bay mấy lá năm hồ hết/Thơ thần kìa ai vẫn đứng không (Gió thu)*. Còn Xuân Diệu, nhà thơ được mệnh danh là người sớm tiếp nhận khuynh hướng tân kỳ văn chương phương Tây trong sáng tác nhưng tính chất thơ cổ điển vẫn không dứt lìa trong không gian mùa thu. Cho nên, cũng trong cảm xúc về khung cảnh chớm thu không gian mùa thu trong bài **Đây mùa thu tới** vừa phảng phất hình ảnh ước lệ cổ điển còn sót lại, theo góc nhìn của phương Đông: *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang/Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng ...*, vừa nhen nhóm những cảm nhận cuộc sống hàng ngày theo một góc nhìn và cách sử dụng ngôn ngữ có vẻ “Tây hoá” khi mô tả không gian vườn cây: *Hơn một loài hoa đã rụng cành/Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh ...* Nhưng, nhìn chung, cấu trúc các mảng không gian trong thơ Xuân Diệu là sự kết hợp ở cả không gian lên cao của trời thu, của tiết thu nhưng không tách rời không gian cuộc sống gần gũi của đời thường: *Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ/Non xa khởi sự nhạt sương mờ .../Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói/Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.*

Riêng Huy Cận, nhà thơ cảm nhận, mô tả không gian mùa thu theo góc nhìn rất lạ của ông. Đó là góc nhìn của một nhà thơ có thời thơ ấu sống ở miền quê sơn dã, có một tuổi thơ nhiều kỉ niệm sâu sắc. Tâm hồn giàu cảm xúc, biết quan sát, lưu giữ cảnh vật xung quanh mình một cách tinh tế. Nhiều ấn tượng từ thời trẻ thơ vẫn in đậm trong kí ức để sau này có thể tạo cho chất thơ nhiều ý tưởng phong phú. Bài thơ có cấu trúc mới khi nhà thơ miêu tả khung cảnh từ trên cao chuyển động dần

xuống thấp, từ chi tiết đến khái quát, cuối cùng là xuất hiện cảnh toàn bao la như cách mô tả không gian của thủ pháp điện ảnh hiện đại. Rõ ràng, góc không gian của Huy Cận trong **Thu rừng** là cách nhìn từ vùng cao, từ mây giăng xuống lũng thấp ; từ nai cao gót xuống rừng nhìn thu ; từ rừng cao nhìn bóng mây trôi nhạt dưới khe ; từ non xa nhìn xuống nhân gian tiêu điều phía dưới, ... Với **cấu trúc từ cao xuống thấp**, Huy Cận đã một lần mô tả tương tự *Anh khắp rừng cao xuống lũng sâu/Tìm em, đi hái lộc xanh đầu ... (Hồn xuân)*...

Góc nhìn lạ trong **Hồn xuân**, một lần nữa đã được lặp lại và xây dựng hoàn chỉnh trong cấu trúc không gian **Thu rừng**. Đó cũng là sự khám phá của nhà thơ Huy Cận về không gian vũ trụ với nét đặc sắc mới, độc đáo, lạ hẳn trong thơ ca ; góp phần làm phong phú thêm tiến trình hiện đại hoá thơ ca Việt Nam thế kỉ XX.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Huy Cận (1967), *Lửa thiêng*, tái bản miền Nam, Hoa Tiên phát hành, Sài Gòn.
- [2]. Xuân Diệu (2001), *Tuyển tập 1*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3]. Trịnh Bá Đình (2002), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, NXB Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.
- [4]. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Phan (1974), *Tình yêu lãng mạn trong đời và thơ Lưu Trọng Lư*, Tạp chí Văn học, số 10-1974, Sài Gòn.
- [6]. Trần Đình Sử (2005), *Tuyển tập 1,2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.